

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15-9- 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

giữa chị Hoàng Thị Thu H với anh

Nguyễn Hữu H.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Linh.

2. Bà Lê Thị Thúy Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên..

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1947 và bà Phan Thị B sinh năm 1954; nơi cư trú: Thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2020, phiên hòa giải ngày 18/6/2020, ngày 09/7/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H trình bày:

Chị Hoàng Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu H yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 14/5/2012. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung với bố, mẹ đẻ của anh Hùng tại thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, cho đến tháng 11 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác,

chị H đã nhiều lần khuyên nhủ mong anh H chấm dứt mối quan hệ sai trái đó, nhưng anh H không những không hối cải mà còn đánh đập chị H, điều này làm cho chị H rất khổ cực, tinh thần lúc nào cũng mệt mỏi. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H càng sớm càng tốt.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hữu N, sinh ngày 17/4/2012 và cháu Nguyễn Hoàng Ngọc H, sinh ngày 25/01/2014. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu N và H; yêu cầu anh Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi hai cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, bố mẹ anh H có cho vợ chồng một thửa đất có diện tích 35m², thửa đất này nằm trong khuôn viên đất vườn nhà của bố mẹ anh Hùng là ông Nguyễn T và bà Phan Thị B, tại thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị và hiện chưa làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất hai vợ chồng xây một quán kiên cố diện tích 35 m² (5m x 7m), trị giá quán trên đất là 200.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng còn có mua một chiếc xe SH vào năm 2018, biển kiểm soát 74D1 - 234.98 đứng tên anh Nguyễn Hữu H, hiện trị giá là 60.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 260.000.000 đồng. Khi ly hôn, đối với đất làm quán là của ông T, bà B. Riêng quán trên đất chị H có nguyện vọng giao quán cho anh H sở hữu và thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho chị H số tiền 100.000.000 đồng. Đối với chiếc xe SH, hiện anh H đã bán nên giao cho anh H sở hữu số tiền 60.000.000 đồng và anh H có nghĩa vụ thanh toán cho chị H là 30.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản trình bày ý kiến ngày 18/6/2020, phiên hòa giải ngày 18/6/2020, ngày 09/7/2020 và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:

Anh Nguyễn Hữu H và chị Hoàng Thị Thu H yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 14/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà bố, mẹ đẻ của anh H ở thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Theo anh H nguyên nhân chị H làm đơn ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau, còn việc chị H cho rằng anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác thì anh H không đồng ý. Tuy nhiên, hai vợ chồng đã cố gắng cải thiện tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái nhưng không được. Nay anh H thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, chị H làm đơn ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn để mỗi người sớm có một cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hữu N, sinh ngày 17/4/2012 và cháu Nguyễn Hoàng Ngọc H, sinh ngày 25/01/2014. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đồng ý giao cho chị Hoàng Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu N và H, anh H đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho hai cháu đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Tuy nhiên

tại phiên tòa, anh H đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Ngọc H và giao cháu Nguyễn Hoàng Hữu N cho chị Hiền nuôi dưỡng,

Về tài sản chung: Đối với thửa đất làm quán là đất của bố mẹ anh H là ông T, bà B. Riêng quán có diện tích 35m² (5m x 7m) xây dựng trên đất của ông Nguyễn T, bà Phan Thị B trị giá của cái quán là 200.000.000 đồng, tiền để xây quán là do ông Nguyễn T và bà Phan Thị B cho để xây dựng làm ăn buôn bán nên trả lại đất và quán cho ông T, bà B. Đối với tài sản là 01 chiếc xe SH biển kiểm soát 74D1- 234.98 trị giá khoảng 60.000.000 đồng, tiền để mua xe là do ông Nguyễn T và bà Phan Thị B (bố mẹ anh H) cho anh H để mua, hiện tại anh Hùng đã bán.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản trình bày ý kiến ngày 26/6/2020, phiên hòa giải ngày 09/7/2020 và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T và bà Phan Thị B trình bày:

Về vấn đề tình cảm và con cái do vợ chồng hai cháu H và H quyết định, ông T, bà B không can thiệp. Riêng về tài sản có 01 quán diện tích 35m² (5m x 7m) được xây dựng trên đất của ông T và bà B tại thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng là do vợ chồng ông T bà B bỏ tiền ra để xây dựng và cho vợ chồng cháu H mượn để làm ăn buôn bán, trị giá của cái quán 200.000.000 đồng nên ông T, bà B đề nghị lấy lại quán. Đối với chiếc xe SH biển kiểm soát 74D1 - 234.98 trị giá 60.000.000 đồng là do vợ chồng ông T, bà B cho cháu H tiền để mua về sử dụng và hiện nay cháu H đã bán thì ông T, bà B không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 33; khoản 2 Điều 34; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thu H với anh Hoàng Hữu H. Về con chung: Xử giao hai cháu Nguyễn Hoàng Hữu N, sinh ngày 17/4/2012 và cháu Nguyễn Hoàng Ngọc H, sinh ngày 25/01/2014 cho chị Hoàng Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Hữu N mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Ngọc H mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2020 cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Về tài sản chung: Giao cho anh Nguyễn Hữu H được quyền sở hữu 01 quán diện tích đất 35 m² (5m x 7m) trị giá 200.000.000 đồng nằm trong khuôn viên đất của ông Nguyễn T và bà Phan Thị B tại thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị và có nghĩa vụ bù chênh lệch về tài sản cho chị H số tiền 100.000.000 đồng; anh H được sở hữu 60.000.000 đồng trị giá xe máy SH và có nghĩa vụ thanh toán cho chị H số tiền 30.000.000 đồng (chiếc SH 125I hiện anh H đã bán). Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản; anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ Hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Thu H với anh Nguyễn Hữu H là hôn nhân hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 14/5/2012. Tuy nhiên, quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, Theo chị H nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau nên hiện tại vợ chồng sống ly thân. Phía anh Nguyễn Hữu H cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau, chứ không phải anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và hiện nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả chị Hoàng Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu H đều trình bày, vợ chồng không thể chung sống được, mâu thuẫn đã trầm trọng và chị H, anh H đồng ý ly hôn nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu H theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị Hoàng Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Hữu N, sinh ngày 17/4/2012 và cháu Nguyễn Hoàng Ngọc H, sinh ngày 25/01/2014. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu N và H; yêu cầu anh Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi hai cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng là xem xét đến điều kiện của bố, mẹ và khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung; thấy rằng hiện tại chị Hoàng Thị Thu H có công việc ổn định, có thu nhập nên việc xem xét giao con cho chị H nuôi dưỡng là hợp lý, hơn nữa cháu N mong muốn ở với mẹ. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, anh H đồng ý giao hai cháu N và H cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho mỗi cháu, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 10/2020 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Do đó, cần xử giao hai cháu Nguyễn Hoàng Hữu N, sinh ngày 17/4/2012 và cháu Nguyễn Hoàng Ngọc H, sinh ngày 25/01/2014 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 118 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Đối với quyền sử dụng đất làm quán diện tích 35 m² (5mx7m) tọa lạc tại thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, thửa đất này đang nằm trong khuôn viên đất của ông T, bà B. Diện tích đất làm quán cả ông T, bà B, anh H, chị H đều thừa nhận đất của ông T, bà B và không có tranh chấp gì về quyền sử dụng đất nên xác định diện tích đất 35m² làm quán thuộc quyền sử dụng của ông T, bà B. Riêng tài sản trên đất gồm 01 quán xây

kiên cố thì cả chị H, anh H, ông T, bà B đồng ý trị giá quán là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh H, ông T, bà B cho rằng quán do ông T, bà B bỏ tiền ra để xây dựng và cho vợ chồng anh H, chị H mượn để kinh doanh buôn bán nên trả lại cho ông T, bà B. Còn chị H cho rằng do vợ chồng chị H, anh H xây dựng từ nguồn tiền của hai vợ chồng nên là tài sản chung của vợ chồng chị H, anh H; Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên thừa nhận quán được xây dựng vào tháng 5/2019, tức là xây dựng trong thời kỳ hôn nhân giữa anh H và chị H, cả anh H và chị H thừa nhận hai vợ chồng kinh doanh từ khi xây dựng quán cho đến lúc vợ chồng mâu thuẫn và chị H viết đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết; phía chị H có cung cấp bản xác nhận của thợ xây dựng nhà, cửa hàng vật liệu bán vật liệu xây dựng cho chị H làm nhà. Đối với ông T, bà B không cung cấp được chứng cứ chứng minh quán do ông T, bà B bỏ tiền ra xây dựng và cho vợ chồng anh H, chị H mượn quán để kinh doanh. Do đó có căn cứ xác định tài sản là quán diện tích 35 m² (5m x 7m) là tài sản chung của vợ chồng chị H, anh H là phù hợp khoản 3 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình. Xét thấy hiện tại anh H hiện đang sinh sống với ông T, bà B nên cần giao 01 quán diện tích 35 m² (5mx7m) cho anh H sở hữu là hợp lý và anh H có trách nhiệm bù chênh lệch về tài sản cho chị H số tiền 100.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe máy SH, biển kiểm soát 74D1-234.98: Qua xác minh tại Công an huyện Triệu Phong thì được biết: Ngày 26/3/2018, anh Nguyễn Hữu H đăng ký phương tiện giao thông cơ giới là chiếc xe nhãn hiệu HONDA, loại xe SH125I, màu đen, số khung JF73E0063678, số máy RLHJF 7305GY063629, biển kiểm soát 74D1-234.98 mang tên Nguyễn Hữu H. Như vậy, chiếc xe này được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa anh H và chị H, anh H cho rằng nguồn tiền mua xe là do ông T, bà B cho nhưng không có chứng cứ chứng minh nguồn tiền là của ông T, bà B cho tiền để anh H mua xe nên được xác định chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng. Chiếc xe anh H đã bán vào tháng 5/ 2020 lúc chị H và anh H mâu thuẫn nhau và chị H về sống tại nhà mẹ đẻ của chị H nên chị H không biết việc anh H bán xe. Qua xác minh tại Công an huyện Triệu Phong thì anh H đã sang tên cho anh Nguyễn Lê T, ở Khu vực 1, Nhơn Bình, Quy Nhơn, Bình Định. Như vậy, chiếc xe SH là tài sản chung của vợ chồng nhưng anh H bán không có sự đồng ý của chị H và không chứng minh bán để nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Quá trình giải quyết vụ án cả anh H và chị H thống nhất trị giá xe là 60.000.000 đồng nên cần buộc anh H phải thanh toán cho chị H số tiền 30.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản; anh Nguyễn Hữu H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí chia tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, b khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 55; Điều 59; Điều 60; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình:

1. Về mặt tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Thu H với anh Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung: Xử giao hai cháu Nguyễn Hoàng Hữu N, sinh ngày 17/4/2012 và cháu Nguyễn Hoàng Ngọc H, sinh ngày 25/01/2014 cho chị Hoàng Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Hữu N mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Ngọc H mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh Nguyễn Hữu H được quyền sở hữu 01 quán xây kiên cố diện tích 35 m² (5m x 7m), trị giá 200.000.000 đồng nằm trong khuôn viên đất của ông Nguyễn T và bà Phan Thị B tại thôn Nhan Biều 1, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị và có nghĩa vụ bù chênh lệch về tài sản cho chị Hoàng Thị Thu H số tiền 100.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Hữu H được sở hữu số tiền 60.000.000 đồng và có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hoàng Thị Thu H số tiền 30.000.000 đồng (số tiền trị giá chiếc xe HONDA SH 125I hiện anh H đã bán).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a, b khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 6.500.00 đồng án phí chia tài sản khi ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004603 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Chị Hoàng Thị Thu H còn phải nộp 6.500.000 đồng án phí chia tài sản khi ly hôn.

Anh Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 6.500.000 đồng án phí chia tài sản khi ly hôn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan của bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Triệu Thượng, huyện T.Phong;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

